

THÔNG BÁO MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Quý Công ty (Nhà thầu)

Bệnh viện An Bình kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên gói thầu: Cung cấp dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng và vệ sinh, khử khuẩn hệ thống xử lý nước tiết trùng, hệ thống xử lý nước RO, các bồn rửa dụng cụ, các máy nước nóng, lạnh tại Khu A - Bệnh viện An Bình.
2. Phạm vi cung cấp: Chi tiết theo phụ lục 1 đính kèm.
3. Thời gian thực hiện hợp đồng: 365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
4. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.
5. Địa điểm thực hiện: Số 146 An Bình, P.7, Q.5, Tp.HCM.
6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: Tối thiểu 6 tháng.
7. Yêu cầu về chào giá: Chào giá đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí di chuyển, khảo sát và các yêu cầu khác của bên mời thầu.
8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: Trước 16 giờ 00 phút ngày 27/06/2025 hoặc đến khi Bệnh viện nhận đủ báo giá theo quy định.
9. Quy định về tiếp nhận thông tin và hồ sơ chào giá : Quý đơn vị thực hiện gửi hồ sơ chào giá bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Tổ mua sắm- Bệnh viện An Bình. Địa chỉ: Số 146 An Bình, P.7, Q.5, TP. HCM.
Số điện thoại liên hệ: 0983.767.267 (Ms Tiên).
10. Yêu cầu khác :
Hồ sơ chào giá bao gồm các tài liệu sau:
+ Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu) theo mẫu đính kèm;
+ Hồ sơ pháp lý, hồ sơ năng lực của nhà thầu;
+ Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực hoặc ký từ năm 2023 trở về sau hoặc thông báo trúng thầu (nếu có);

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu: VT, TMS;
(ĐLTT.02b).

TUQ. GIÁM ĐỐC

Phó Giám đốc



Vũ Minh Đức

1

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC DỊCH VỤ
 (Kèm theo Thông báo số : 584 /TB-BVAB ngày 23 / 06 /2025)

STT	Danh mục Dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Vị trí thực hiện
I	DỊCH VỤ BẢO TRÌ, TẮY RỬA KHỬ KHUẨN HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC TIẾT TRÙNG CÔNG SUẤT 7500 LÍT/H, Model: NAS/WTS-UV7500; Số seri: UV75002021002 VÀ HỆ THỐNG R.O CÔNG SUẤT 1500 LÍT/H, Model: NAS/WTS-RO1500-S.HCL; Số seri: RO15002021003				
1	Kiểm tra, bảo trì hệ thống xử lý nước tiết trùng và hệ thống R.O. Vệ sinh tẩy rửa khử khuẩn các bồn chứa nước mềm và nước R.O (không bao gồm hệ thống mạng lưới ống cấp nước đến các điểm sử dụng)	- Kiểm tra chất lượng nước nguồn đầu vào hệ thống - Kiểm tra chất lượng nước mềm sau cụm thiết bị tiền xử lý - Kiểm tra chất lượng nước thành phẩm sau máy R.O - Kiểm tra, bảo trì toàn bộ hệ thống R.O - Hiệu chỉnh các thông số kỹ thuật bị sai lệch trên toàn bộ thiết bị - Sửa chữa khắc phục các hư hỏng nhỏ (<i>không thay thế linh kiện</i>) - Xả rửa vệ sinh các bồn chứa nước. - Tẩy rửa khử khuẩn bồn chứa nước tiết trùng, bồn chứa nước R.O. - Hóa chất sử dụng dùng trong tẩy rửa thực phẩm. - Thiết bị kiểm tra: máy đo hàm lượng Chlorine chuyên dụng. - Sau mỗi đợt kiểm tra, bảo trì và vệ sinh, khử khuẩn hệ thống, nhà thầu thực hiện xét nghiệm nước thành phẩm sau hệ thống nước tiết trùng và hệ thống R.O (<i>bằng các thiết bị đo chuyên dụng</i>) để kiểm tra chất lượng nước đạt hay không. Nếu chất lượng nước chưa đạt theo quy định thì nhà thầu chịu trách nhiệm xử lý lại hệ thống bằng chi phí của mình đến khi chất lượng nước đạt yêu cầu. - Tần suất thực hiện: 1 tháng/lần	12	Lần	Lần 12

II	THAY THỂ VẬT TƯ TIÊU HAO HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC TIẾT TRÙNG CÔNG SUẤT 7500 LÍT/H, Model: NAS/WTS-UV7500; Số seri: UV75002021002				
1	Thay lõi lọc 10 micron (lọc phân tử)	- Lõi lọc polypropylene dạng sợi nén - Kích thước lỗ thẩm thấu 10 micron - Kích cỡ Ø63mm, dài 508mm - Số lượng lõi lọc: 05 cái/lần - Tần suất thay: 03 tháng/lần	20	Cái	Lầu 12
2	Thay lõi lọc 5 micron (lọc phân tử)	- Lõi lọc polypropylene dạng sợi nén - Kích thước lỗ thẩm thấu 10 micron - Kích cỡ Ø63mm, dài 508mm - Số lượng lõi lọc: 05 cái/lần - Tần suất thay: 03 tháng/lần	20	Cái	Lầu 12
3	Thay lõi lọc 1 micron (lọc phân tử)	- Lõi lọc polypropylene dạng sợi nén - Kích thước lỗ thẩm thấu 1 micron - Kích cỡ Ø63mm, dài 508mm - Số lượng lõi lọc: 5 cái/lần - Tần suất thay: 03 tháng/lần	20	Cái	Lầu 12
4	Thay lõi lọc 0.2 micron (lọc vi sinh)	- Lõi lọc polypropylene dạng gấp nếp trong khung nhựa PP - Kích thước lỗ thẩm thấu 0,2 micron - Kích cỡ Ø68mm, dài 508mm - Số lượng lõi lọc: 05 cái/lần - Tần suất thay: 6 tháng/lần	10	Cái	Lầu 12

5	Thay lõi lọc 0,2 micron (lọc vi sinh bộ lọc khí trước khi vào bồn chứa nước tiết trùng)	- Lõi lọc polypropylene dạng gấp nếp trong khung nhựa PP - Kích thước lõi thẩm thấu 0,2 micron - Kích cỡ Ø68mm, dài 254mm - Số lượng lõi lọc: 01 cái/lần - Tần suất thay: 6 tháng/lần	2	Cái	Lầu 12
III	THAY THẾ VẬT TƯ TIÊU HAO HỆ THỐNG R.O CÔNG SUẤT 1500 LÍT/H, Model: NAS/WTS-RO1500-S.HCL; Số seri: RO15002021003				
1	Thay lõi lọc 1 micron (lọc phân tử)	- Lõi lọc polypropylene dạng sợi nén - Kích thước lõi thẩm thấu 1 micron - Kích cỡ Ø63mm, dài 508mm - Số lượng lõi lọc: 5 cái/lần - Tần suất thay: 03 tháng/lần	20	Cái	Lầu 12
2	Thay lõi lọc 0,2 micron (lọc vi sinh)	- Lõi lọc polypropylene dạng gấp nếp trong khung nhựa PP - Kích thước lõi thẩm thấu 0,2 micron - Kích cỡ Ø68mm, dài 508mm - Số lượng lõi lọc: 03 cái/lần - Tần suất thay: 6 tháng/lần	6	Cái	Lầu 12
3	Thay lõi lọc 0,2 micron (lọc vi sinh) (bộ lọc khí trước khi vào bồn chứa nước R.O)	- Lõi lọc polypropylene dạng gấp nếp trong khung nhựa PP - Kích thước lõi thẩm thấu 0,2 micron - Kích cỡ Ø68mm, dài 254mm - Số lượng lõi lọc: 01 cái/lần - Tần suất thay: 6 tháng/lần	2	Cái	Lầu 12



4	Thay màng lọc RO	- Kích thước: Ø 200mm, dài: 1.016mm (độ chênh lệch của các thông số về kích thước cho phép là ± 1mm); - Tốc độ lưu lượng thẩm: 11,000 GPD (41.6 m³/ngày); - Tốc độ dòng thẩm thấu của mỗi màng có thể dao động từ +25/-15%) - Khả năng khử muối ổn định: 99,7% (tối thiểu 99,5%) - Tần suất thực hiện: Thay khi có yêu cầu.	1	Cái	Lầu 12
5	Công tắc áp suất	- Áp suất: 5 – 20 bar; - Áp suất vi sai: 2-5 bar; - Chế độ: Auto Reset; - Tần suất thực hiện: Thay khi có yêu cầu.	5	Cái	Lầu 12
IV	THAY THỂ VẬT TƯ TIÊU HAO CÁC BỒN RỬA DỤNG CỤ				
1	Thay lõi lọc 5 micron	- Chất liệu Lõi lọc: polypropylene - Kích thước lỗ thẩm thấu 5 micron - Độ dài: 10 inch - Đường kính ngoài 63mm - Số lượng lõi lọc: 06 cái/lần - Tần suất thay: 3 tháng/lần	24	Cái	- Lầu 4 (bồn rửa tay các phòng mổ) - Lầu 3 - Nội soi
2	Thay lõi lọc 1 micron	- Chất liệu Lõi lọc: polypropylene - Kích thước lỗ thẩm thấu 1 micron - Độ dài 10 inch - Đường kính ngoài 63mm - Số lượng lõi lọc: 06 cái/lần - Tần suất thay: 3 tháng/lần	24	Cái	- Lầu 4 (bồn rửa tay các phòng mổ) - Lầu 3 - Nội soi

3	Thay lõi lọc UDF 10 inch (lọc than GAC)	- Loại sản phẩm: Lõi lọc than hoạt tính. - Độ dài: 10 inch - Số lượng lõi lọc: 01 cái/lần - Tần suất thay: 3 tháng/lần	4	Cái	Lầu 3 - Nội soi
V	KIỂM TRA BẢO TRÌ CÁC MÁY LỌC NƯỚC NÓNG, LẠNH (Máy lọc nước R.O Hydrogen - Kangaroo KG100HK Tủ Đứng)				
1	Kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng máy lọc nước nóng nguội lạnh (không bao gồm sửa chữa, thay thế linh kiện)	- Số lượng máy lọc nước nóng lạnh cần kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng: 12 máy. - Kiểm tra dây đầu nối tiếp đất của máy. - Kiểm tra độ rò rỉ các đầu nối nguồn nước. - Kiểm tra thiết bị máy và đèn UV hư hỏng không. - Kiểm tra vòi nước nóng, lạnh. - Kiểm tra các lõi lọc trong máy. - Đo tổng độ chất rắn hoà tan trong nước (TDS) - Tần suất thực hiện: 03 tháng/lần	4	Lần	Máy nước uống nóng, lạnh - các tầng
VI	THAY THẾ VẬT TƯ TIÊU HAO CÁC MÁY LỌC NƯỚC NÓNG, LẠNH (Máy lọc nước R.O Hydrogen-Kangaroo KG100HK Tủ Đứng)				
1	Thay lõi lọc 1 micron	- Chất liệu Lõi lọc: polypropylene - Kích thước lỗ thẩm thấu 1 micron - Độ dài 10 inch - Số lượng lõi lọc: 12 cái/lần - Tần suất thay: 3 tháng/lần	48	Cái	Máy nước uống nóng, lạnh - các tầng

2	Thay lõi lọc UDF 10 inch (lọc than GAC)	- Loại sản phẩm: Lõi lọc than hoạt tính. - Độ dài 10 inch - Số lượng lõi lọc: 12 cái/lần - Tần suất thay: 3 tháng/lần	48	Cái	Máy nước uống nóng, lạnh - các tầng
3	Thay lõi lọc 5 micron	- Chất liệu Lõi lọc: polypropylene - Kích thước lỗ thẩm thấu 5 micron - Độ dài 10 inch - Số lượng lõi lọc: 12 cái/lần - Tần suất thay: 3 tháng/lần	48	Cái	Máy nước uống nóng, lạnh - các tầng
4	Thay màng lọc RO	- Loại màng: màng Polyamide - Kích thước: Dài 298 mm, đường kính: 44,5 mm - Tốc độ thẩm nước: 50 GDP (7,9 L/h) - Số lượng mỗi lần thay: 12 cái; - Tần suất thay: 6 tháng/lần.	24	Cái	Máy nước uống nóng, lạnh - các tầng
5	Thay vỏ màng lọc RO	- Bộ vỏ màng lọc R.O gồm: Vỏ dùng cho màng lọc R.O 50 GPD, van 1 chiều và co nối. - Chất liệu nhựa ABS - Màu trắng - Số lượng mỗi lần thay: 12 cái - Tần suất thay: thay khi có yêu cầu.	12	Cái	Máy nước uống nóng, lạnh - các tầng

6	Công tắc nguồn (máy nước uống nóng lạnh) (màu đỏ)	- Công suất: 16A/250v; - Có 4 chân cắm nguồn; - Màu sắc: đỏ; - Tần suất thực hiện: Thay khi có yêu cầu	25	Cái	Máy nước uống nóng, lạnh - các tầng
7	Công tắc nguồn (máy nước uống nóng lạnh) (màu xanh)	- Công suất: 16A/ 250v; - Có 4 chân cắm nguồn; - Màu sắc: xanh; - Tần suất thực hiện: Thay khi có yêu cầu.	25	Cái	Máy nước uống nóng, lạnh - các tầng
8	Khớp nối (Bộ đầu cos ghim và chụp nhựa cos)	- Đầu cos kích thước 6,3mm có chụp nhựa, loại ghim. - Chất liệu: đồng - Tần suất thực hiện: Thay khi có yêu cầu.	100	Cái	Máy nước uống nóng, lạnh - các tầng
9	Ống nhựa (ống dẫn nước lọc RO)	- Kích thước: đường kính ống 6 mm; - Màu sắc: màu xanh dương; - Chất liệu: nhựa cứng; - Tần suất thực hiện: Thay khi có yêu cầu.	50	Mét	Máy nước uống nóng, lạnh - các tầng
10	Cút nối nhanh	- Kích thước: đường kính 6 mm; - Chất liệu: nhựa cứng; - Có chốt cài khóa giữ ống; - Tần suất thực hiện: Thay khi có yêu cầu.	50	Cái	Máy nước uống nóng, lạnh - các tầng
11	Măng xong (Co cút nối nhanh 90 độ)	- Kích thước: đường kính 6 mm; - Chất liệu: nhựa cứng; - Có chốt cài khóa giữ ống; - Tần suất thực hiện: Thay khi có yêu cầu.	50	Cái	Máy nước uống nóng, lạnh - các tầng



PHỤ LỤC 2: MẪU CHÀO GIÁ

(Kèm theo Thông báo mời chào giá số:/TB-BVAB ngày 22/.../2025)

Công ty:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện An Bình

Địa chỉ: 146 An Bình, Phường 7, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Theo Thông báo mời chào giá số/TB-BVAB ngày tháng năm 2025 của Bệnh viện An Bình, Công ty... báo giá như sau:

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	ĐVT	Đơn giá	Thành tiền
1						
2						
...						
Tổng cộng:						

Ghi chú:

1. Nhà thầu điền đầy đủ thông tin và các giấy tờ liên quan (nếu có)
2. Giá chào là giá đã bao gồm phí vận chuyển, bàn giao, các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có)
3. Cung cấp dịch vụ đáp ứng theo yêu cầu tại Phụ lục 1 được đính kèm trong Thông báo mời chào giá
4. Báo giá có hiệu lực.... từ ngày chào giá./.